BIỂU PHÍ BẢO HIỂM

1. Công thức tính Phí

Phí bảo hiểm = Tỷ lệ phí x Tổng hạn mức trách nhiệm + phụ phí/người x số người hành nghề tại cơ sở y tế + hệ số điều chỉnh tăng/giảm liên quan đến rủi ro

Ghi chú:

- Tổng hạn mức trách nhiệm của hợp đồng trong cả thời hạn bảo hiểm;
- Tỷ lệ phí, phụ phí/người: theo bảng dưới đây;
- Số lượng và danh sách nhân viên y tế: do cơ sở y tế cung cấp;
- Hệ số điều chỉnh do yếu tố rủi ro cao, gồm:
  + tỷ trọng chuyên khoa nguy hiểm cao
  + quy mô cơ sở y tế = số lượng giường bệnh
  + lịch sử khiếu nại trong 10 năm gần nhất.

2. Biểu Phí:

- Phí bảo hiểm trong biểu phí dưới đây áp dụng theo khung Tổng hạn mức trách nhiệm/năm và giới hạn bồi thường/mỗi vụ khiếu kiện, khiếu nại. Trường hợp những yếu tố rủi ro phát sinh khác biệt hoặc gia tăng hơn so với hướng dẫn này, đề nghị báo cáo TSC để xem xét trước khi trao đổi/báo giá với khách hàng.
- Biểu tính phí đối với sản phẩm bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp ngành y theo phạm vi từng mẫu quy tắc, cụ thể:
  - Đối với quy tắc theo mẫu đơn QBE: không áp dụng theo biểu phí hiện hành mà sẽ xây dựng biểu phí mới trong hạn mức giữ lại của BIC tối đa đến 4 tỷ đồng. Các hạn mức tổng từ 2 tỷ đồng/năm trở lên và hạn mức/vụ tối thiểu là 1 tỷ đồng. Biểu phí này sẽ áp dụng tỷ lệ phí cơ bản cao hơn do phạm vi bảo hiểm là rộng hơn và có nhiều điều khoản mở rộng tự động trong quy tắc.
  - Đối với quy tắc theo mẫu đơn Munich Re: vẫn chia hạn mức/năm tối đa 4 tỷ đồng nhưng hạn mức/vụ sẽ chia nhỏ theo khung tối thiểu là 100 triệu đồng/vụ và tối đa là 2 tỷ đồng/vụ áp dụng đối với hạn mức năm từ 3 tỷ đồng trở lên. Lý do vì tương đồng với cách cấp đơn của thị trường hiện nay.

Riêng với bảng quy định về phụ phí/người, hệ số tăng/giảm theo rủi ro sẽ giữ nguyên và áp dụng chung cho cả 2 mẫu quy tắc.

Các biểu phí sẽ này áp dụng triển khai thí điểm và có thể sẽ có điều chỉnh để phù hợp với kết quả kinh doanh nghiệp vụ bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp ngành y.

3.2.1. Phí cơ bản và mức miễn thường khấu trừ:

(Áp dụng cho các hợp đồng bảo hiểm áp dụng quy tắc theo mẫu đơn Munich Re 2010)

Đơn vị: VNĐ

Tổng hạn mức trách nhiệm/năm	Hạn mức trách nhiệm/vụ	Tỷ lệ phí cơ bản (%)	Mức khấu trừ
1,000,000,000	100,000,000	1.52%	5% số tiền bồi thường, tối thiểu 10 triệu đồng/vụ
	200,000,000	1.57%	

	300,000,000	1.65%	
	400,000,000	1.73%	5% số tiền bồi thường, tối thiểu 15 triệu đồng/vụ
	500,000,000	1.82%	
2,000,000,000	100,000,000	1.42%	5% số tiền bồi thường, tối thiểu 10 triệu đồng/vụ
	200,000,000	1.50%	
	300,000,000	1.58%	
	400,000,000	1.63%	5% số tiền bồi thường, tối thiểu 15 triệu đồng/vụ
	500,000,000	1.68%	
	1,000,000,000	3.00%	5% số tiền bồi thường, tối thiểu 40 triệu đồng/vụ
3,000,000,000	100,000,000	1.18%	5% số tiền bồi thường, tối thiểu 10 triệu đồng/vụ
	200,000,000	1.32%	
	300,000,000	1.43%	
	400,000,000	1.48%	5% số tiền bồi thường, tối thiểu 20 triệu đồng/vụ
	500,000,000	1.55%	
	1,000,000,000	2.35%	5% số tiền bồi thường, tối thiểu 40 triệu đồng/vụ
4,000,000,000	100,000,000	1.20%	5% số tiền bồi thường, tối thiểu 15 triệu đồng/vụ
	200,000,000	1.23%	
	300,000,000	1.27%	
	400,000,000	1.30%	5% số tiền bồi thường, tối thiểu 40 triệu đồng/vụ
	500,000,000	1.35%	
	1,000,000,000	2.00%	5% số tiền bồi thường, tối thiểu 50 triệu đồng/vụ
	2,000,000,000	2.50%	5% số tiền bồi thường, tối thiểu 100 triệu đồng/vụ

3.2.2. Phí cơ bản và mức miễn thường khấu trừ:

(Áp dụng cho các hợp đồng bảo hiểm áp dụng quy tắc theo mẫu đơn QBE 2015)

Đơn vị: VNĐ

Tổng hạn mức trách nhiệm/năm	Hạn mức trách nhiệm/vụ	Tỷ lệ phí cơ bản (%)	Mức khấu trừ
2,000,000,000	1,000,000,000	3.20%	5% số tiền bồi thường, tối thiểu 50 triệu đồng/vụ
	2,000,000,000	3.80%	5% số tiền bồi thường, tối thiểu 75 triệu đồng/vụ
3,000,000,000	1,000,000,000	2.60%	5% số tiền bồi thường, tối thiểu 50 triệu đồng/vụ
	2,000,000,000	2.80%	5% số tiền bồi thường, tối thiểu 75 triệu đồng/vụ
	3,000,000,000	3.70%	5% số tiền bồi thường, tối thiểu 100 triệu đồng/vụ
4,000,000,000	1,000,000,000	2.20%	5% số tiền bồi thường, tối thiểu 75 triệu đồng/vụ
	2,000,000,000	2.50%	5% số tiền bồi thường, tối thiểu 75 triệu đồng/vụ
	3,000,000,000	3.25%	5% số tiền bồi thường, tối thiểu 100 triệu đồng/vụ
	4,000,000,000	3.50%	5% số tiền bồi thường, tối thiểu 100 triệu đồng/vụ

3.2.3. Phụ phí/người, Hệ số điều chỉnh tăng/giảm liên quan đến rủi ro: Áp dụng chung cho cả 2 mẫu đơn Munich Re và QBE

Đơn vị: VNĐ

Tuyến cơ sở khám chữa bệnh	Hạn mức trách nhiệm/năm	Phụ phí/ người	Tỷ trọng chuyên khoa nguy hiểm	Số lượng giường bệnh			Lịch sử tổn thất trong vòng 10 năm gần nhất		Không có bộ phận tiếp nhận và giải quyết khiếu nại của bệnh nhân tại CSYT	Phụ phí áp dụng đối với bác sỹ/nhân viên y tế thời vụ
			≥ 40% chuyên khoa nguy hiểm	≥ 100	≥200	300	Đã phát sinh khiếu nại	Chưa phát sinh khiếu nại		
Tuyến huyện	1,000,000,000	187,500	Tăng tối thiểu 5% phí cơ bản	Tăng 5% phí cơ bản	Tăng 10% phí cơ bản	Tăng 15% phí cơ bản	Tăng 10% phí cơ bản	Giảm 5% phí cơ bản	Tăng 10% phí cơ bản	'+ ≤ 10% số lượng bác sỹ/nhân viên y tế được BH: tăng 0.2% phí cơ bản. '+ ≤20 số lượng bác sỹ nhân viên y tế được BH: tăng 0.35%
	2,000,000,000	225,000								
	3,000,000,000	247,500								
	4,000,000,000	277,500								
Tuyến tỉnh	1,000,000,000	210,000	Tăng tối thiểu 10% phí cơ bản	Tăng 10% phí cơ bản	Tăng 15% phí cơ bản	Tăng 20% phí cơ bản	Tăng 10% phí cơ bản	Giảm 5% phí cơ bản		
	2,000,000,000	245,000								
	3,000,000,000	280,000								
	4,000,000,000	315,000								
Tuyến trung ương	1,000,000,000	234,000	Tăng tối thiểu 15% phí cơ bản	Tăng 15% phí cơ bản	Tăng 20% phí cơ bản	Tăng 25% phí cơ bản	Tăng 15% phí cơ bản	Giảm 5% phí cơ bản		
	2,000,000,000	292,500								
	3,000,000,000	325,000								

	4,000,000,000	357,500								

Phí bảo hiểm sẽ tùy thuộc vào đánh giá rủi ro của công ty bảo hiểm.